

Bản án số: 19/2021/HS-PT  
Ngày: 18-3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bé.

- *Các Thẩm phán:* Ông Võ Minh Tiến.

Bà Phạm Thị Thu Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quảng Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*  
Ông Lương Thanh Tú và bà Phạm Thị Hằng – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 09/2020/TLPT-HS ngày 02/11/2020 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*Bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1983 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: K366/48 H, phường V, quận T, thành phố Đ; chỗ ở hiện nay: Hẻm 15/22 T, tổ 20, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; con ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1927 (chết) và bà Vũ Thị N sinh năm 1944; có chồng tên là Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982 và có hai con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân huyện B bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa. Ngày 10/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bị cáo được bảo lãnh; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Thị Như M, sinh năm 1982 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: đường T, khu Đ, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi C, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1955; có chồng

là Phạm Vũ B, sinh năm 1982 và có hai con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hải H:* Ông Nguyễn Công T, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Công T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt;

*Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Như M:* Ông Phạm Văn T, Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm N, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 200/19 N, phường T, quận T, thành phố H; có mặt;

*Nguyên đơn dân sự:* Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở: Số 16 đường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Kim S – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tân Đ –Chức vụ: Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 30/QĐ –SLĐTBXH ngày 25/3/2020); vắng mặt;

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Tập đoàn dệt may Việt Nam; địa chỉ: 25 B, phường H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Vũ H– chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh M – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty CP Dệt May H tại tỉnh Quảng Ngãi; trú tại xã H, huyện H, thành phố Đ (theo văn bản ủy quyền số 649/GUQ –TĐDMVN ngày 25/9/2020); vắng mặt;

2. Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở: Số 236 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tường D – chức vụ: Hiệu trưởng; vắng mặt;

3. Bà Cù Thị Thanh M, sinh năm 1959; trú tại: Số nhà 586 H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

4. Ông Đỗ Quang B, sinh năm 1977; trú tại: Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

5. Ông Nguyễn C, sinh năm 1972; trú tại: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

6. Ông Lê Tấn H, sinh năm 1983; trú tại: số 135/10 đường B, tổ 12, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

7. Ông Lê Hồng P, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT:Thôn V, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trú tại: Số 34 N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

8. Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1986; trú tại: Tổ 9, phường Q, thành

phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

9. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983; trú tại: Số 11, tổ 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

10. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984; trú tại: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

11. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; trú tại Tổ 15, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

12. Ông Trần Hữu T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

13. Ông Phạm T, sinh năm 1981; trú tại: Tổ 12, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

14. Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1966; trú tại: Tổ 3, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

15. Ông Hồ N, sinh năm 1976; trú tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

16. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; trú tại: Thôn L, xã B, huyện huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

17. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1990; trú tại: Đội X, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

18. Ông Phạm Đình C, sinh năm 1964; trú tại: xxx/xx Đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

19. Bà Lê Thị N, sinh năm 1981; trú tại: Hẻm XXX/X/X, tổ XX, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

20. Bà Mạc Thị Yến P, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

21. Bà Cao Xuân Kiều H, sinh năm 1980; trú tại: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

22. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1985; trú tại: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

23. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

24. Bà Nguyễn Thị Ly Q, sinh năm 1982; trú tại: Số XXX/XX/XX, đường B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

25. Ông Phạm Đông C, sinh năm 1978; trú tại: Xóm X, thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

26. Ông Đinh Công T, sinh năm 1976; trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B. vắng mặt;

27. Ông Nguyễn T, sinh năm 1964; trú tại: Số XX/X đường P, phường T,

thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

28. Bà Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh năm 1971; trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

29. Bà Lâm Thị Lê T, sinh năm 1984; trú tại: Số 06 đường P, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

30. Bà Trang Thị Như P, sinh năm 1954; trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

31. Bà Trần Thị N, 1937; trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

32. Ông Lưu Đức U, sinh năm 1939; trú tại: Thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

33. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1970; trú tại: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

34. Bà Phạm Thị C; trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

35. Bà Lê Thị T, sinh năm 1974; trú tại: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

36. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1945; trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

37. Ông Lê Văn L, sinh năm 1962; trú tại: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

38. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

39. Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1980; trú tại: Số XXX đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

40. Bà Trương Thị Thu N, sinh năm 1959; trú tại: Thôn T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

41. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1985; trú tại: Số XXX đường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

42. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

43. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; trú tại Tổ XX, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

44. Bà Đào Thị Thanh T, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ X, phường Trần Phú, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

45. Bùi Thị Ly N, sinh năm 1986; trú tại: Đội XX, Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

46. Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980; trú tại: XXX T, tổ X, phường L,

thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt;

47. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; trú tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh P. vắng mặt;

48. Ông Đào Trung T, sinh năm 1965; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Hẻm XXX/X đường L, tổ x, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. vắng mặt;

49. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1970 tại tỉnh Quảng Ngãi; đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; trú tại: Đội X, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/7/2009, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1147/QĐ –UBND về việc thành lập Trung tâm Đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất trực thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất trên cơ sở tổ chức lại của Trung tâm Đào tạo thợ hàn kỹ thuật cao Dung Quất trực thuộc Trường Đào tạo nghề Dung Quất (theo quyết định thành lập số 708/QĐ–BQL ngày 20/12/2006 của Trưởng ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất), sau đó đổi tên thành Trung tâm đào tạo và cung ứng nguồn lao động Dung Quất (gọi tắt là Trung tâm).

Thực hiện đề án 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng chính phủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trên cơ sở đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giao cho Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Quảng Ngãi tiến hành khảo sát tiêu chuẩn đào tạo nghề theo đề án 1956/QĐ-TTg của các Trung tâm đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Qua khảo sát thì Trung tâm đào tạo và cung ứng nguồn lao động Dung Quất đảm bảo tiêu chuẩn thực hiện đề án là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Trung tâm là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có chức năng đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao về công nghệ - kỹ thuật một số ngành nghề mũi nhọn trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ ... bằng hình thức tổ chức đào tạo ngắn hạn, liên kết đào tạo dài hạn, bồi dưỡng nâng cao tay nghề đạt chuẩn trong nước, khu vực và quốc tế theo quy định.

Tại Quyết định số 172/QĐ–BQL ngày 15/6/2016 của Trưởng ban quản lý KKT Dung Quất thành lập và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm Đào tạo và cung ứng nguồn lao động Dung Quất trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất.

Khi mới thành lập theo Quyết định thành lập số 708/QĐ –BQL ngày 20/12/2006 của Trưởng Ban Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất, bị cáo Đào Thị Thanh T giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đào tạo nghề Dung Quất kiêm nhiệm làm Giám đốc Trung tâm; đến ngày 06/5/2008 Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất ban hành Quyết định số 154/QĐ –BQL ngày 06/5/2008 bổ nhiệm bị

cáo Đào Thị Thanh T giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất thời hạn 05 năm.

Đến ngày 09 tháng 08 năm 2010, Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Quảng Ngãi tiến hành ký kết hợp đồng số 05/HĐ-ĐTNLĐNT, ngày 09/8/2010 và biên bản điều chỉnh hợp đồng số 05a/HĐĐC- LĐNT ngày 22/11/2010 với Trung tâm về việc đào tạo lao động nông thôn theo đề án 1956/TTg, gồm các nghề đào tạo trong các lĩnh vực là nghiệp vụ du lịch; Cơ khí, Gò hàn cắt kim loại; Xây dựng dân dụng; Kỹ thuật hàn.

Theo hợp đồng ký kết với Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Quảng Ngãi thì từ năm 2010 đến năm 2013 Trung tâm đã ký kết 07 hợp đồng liên kết đào tạo nghề với 33 lớp bao gồm 993 học viên. Trong 33 lớp đào tạo nghề trên Đào Thị Thanh T giữ chức vụ Hiệu trưởng đã chỉ đạo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M, Bùi Thị Ly N, Đào Trung T, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Văn K, Phạm Minh T lập hồ sơ thủ tục khống và thỏa thuận với các Cán bộ của Trung tâm gồm Trương Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Hồng N, Lê Hồng P, Lê Tấn H, Nguyễn Thanh H ký xác nhận chứng từ sai sự thật, giả chữ ký của giáo viên giảng dạy ký vào chứng từ kế toán, mua hóa đơn không có hàng hóa kèm theo để hợp thức hóa hồ sơ qua đó Trung tâm đã quyết toán 12 lớp học (AXD10A, AXD10B, MCN11A, MCN11B, MCN11C, MCN12A, MCN12B, MCN12B, MCN12D, MCN13A1, MCN13A2, MCN13A3) khống hoàn toàn để làm thiệt hại ngân sách nhà nước số tiền 660.408.000 đồng. Ngoài 12 lớp trên, Đào Thị Thanh T còn chỉ đạo nhân viên của Trung tâm lập hồ sơ quyết toán nâng khống một phần giá trị trong hồ sơ quyết toán đối với 04 lớp kỹ thuật xây dựng năm 2012, 2013 là các lớp KTXD12A1, KTXD12A2, KTXD13A1, KTXD13A2 với số tiền nâng khống là 79.904.000 đồng.

Như vậy, trong tổng số tiền quyết toán 16 lớp đào tạo nghề là 883.858.000 đồng Đào Thị Thanh T đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M, Bùi Thị Ly N, Đào Trung T, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Văn K, Phạm Minh T và các nhân viên Trung tâm lập hồ sơ quyết toán khống để rút số tiền ngân sách nhà nước là 740.312.000 đồng. Sau khi Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Quảng Ngãi duyệt thanh toán và chuyển tiền qua tài khoản 945.02.00009 của Trung tâm mở tại Kho bạc Nhà nước huyện B và qua số tài khoản 4506201000765 của Trung tâm mở tại Ngân hàng NN&PTNT thành phố Q Đào Thị Thanh T đã chỉ đạo kế toán của Trung tâm (Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M) làm thủ tục rút toàn bộ số tiền trên về nhưng không đưa vào sổ sách kế toán theo dõi đồng thời chi tiêu cho các hoạt động của Trung tâm như thăm Tết, chi lương cho nhân viên hợp đồng, chi tiền cho giáo viên đứng lớp, chi tiếp khách, chi hỗ trợ cho công ty Vinatex trong quan hệ ký hợp đồng, chi mua hóa đơn khống, chi thăm Tết...Việc chi tiêu các khoản tiền này lúc thì lập chứng từ, có lúc không lập chứng từ chỉ viết ra giấy nháp để theo dõi, không theo trình tự sổ sách tài chính kế toán là vi phạm tại Điều 8, Điều 53, Điều 58 Luật Ngân sách năm 2002.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”.

1. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải H 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Hội đồng xét xử quyết định bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Như M 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Đào Thị Thanh T 24 tháng tù, Bùi Thị Ly N 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Nguyễn Văn K 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Phạm Minh Thuận 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, Đào Trung T 24 tháng cải tạo không giam giữ, Phạm Thị Thu H 24 tháng cải tạo không giam giữ đều về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”, tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/10/2020, bị cáo Nguyễn Thị Hải H có đơn kháng cáo với nội dung Tòa án nhân dân huyện B xử phạt bị cáo về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là oan sai cho bị cáo. Ngày 05/11/2020, bị cáo Nguyễn Thị Hải H có đơn kháng cáo bổ sung, bị cáo thừa nhận làm Kế toán trưởng tại Trung tâm nhưng đã ký duyệt 228 chứng từ, quá trình ký duyệt bị cáo không kiểm tra chặt chẽ và trình lãnh đạo duyệt thanh toán, nên bản thân bị cáo cũng có một phần trách nhiệm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Ngày 05/02/2021, bị cáo Nguyễn Thị Hải H có đơn kháng cáo xin thay đổi toàn bộ nội dung kháng cáo vào ngày 07/10/2020 và đơn kháng cáo bổ sung ngày 05/11/2020, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đã phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 42 tháng tù là quá nặng, nên bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 13/10/2020, bị cáo Bùi Thị Như M có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị:*

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Hải H và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Thị Như M. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải H 03 (ba) năm tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2021) và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/9/2020 đến ngày 10/11/2020.

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Như M 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2021).

*Luận cứ bào chữa của Luật sư Nguyễn Công T cho bị cáo Nguyễn Thị Hải H:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Hải H về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình trong việc làm không chứng từ và ký xác nhận quyết toán 228 chứng từ với số tiền 573.211.000 đồng và thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo nộp lại số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra; gia đình bị cáo có công với cách mạng, cha bị cáo là ông Nguyễn Quang P là Cán bộ cách mạng “*tiền khởi nghĩa*”, mẹ bị cáo là bà Vũ Thị Ntham gia Cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương; bị cáo được UBND phường N tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn, phong trào thanh niên năm 2003; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ, chồng không có việc làm ổn định. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

*Bị cáo Nguyễn Thị Hải H thống nhất với Luận cứ bào chữa của Luật sư Nguyễn Công T và không có bổ sung gì thêm.*

*Luận cứ bào chữa của Luật sư Phạm Văn T cho bị cáo Bùi Thị Như M:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Thị Như M về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” là có căn cứ, đúng quy

định của pháp luật. Tuy nhiên, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền là 6.419.367 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thực hiện việc làm không chứng từ theo sự chỉ đạo của bà Đào Thị Thanh T – Giám đốc của Trung tâm; bị cáo là người làm công ăn lương thực hiện theo chỉ đạo của giám đốc không có vụ lợi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo My 12 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời và nuôi hai con nhỏ.

*Bị cáo Bùi Thị Như M thống nhất với Luận cứ bào chữa của Luật sư Phạm Văn T và không có bổ sung gì thêm.*

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Năm 2009, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1147/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm Đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế Dung Quất, sau đó đổi tên thành Trung tâm đào tạo và cung ứng nguồn lao động Dung Quất (viết gọn là Trung tâm) do bị cáo Đào Thị Thanh T giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm, có con dấu riêng, có tư cách pháp nhân và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định. Trung tâm có chức năng đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao về công nghệ-kỹ thuật, một số ngành nghề mũi nhọn trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ với cách thức đào tạo tổ chức đào tạo ngắn hạn, liên kết đào tạo dài hạn, bồi dưỡng nâng cao tay nghề đạt chuẩn trong nước, khu vực và quốc tế theo quy định. Ngày 09/8/2010, Trung tâm ký hợp đồng với Sở LĐTB&XH tỉnh Quảng Ngãi về việc đào tạo lao động nông thôn theo đề án 1956/TTg. Theo nội dung hợp đồng đã ký kết Trung tâm phải chịu trách nhiệm lập hồ sơ tuyển sinh và mở các lớp dạy nghề trong các lĩnh vực theo như hợp đồng, cụ thể từ năm 2010 đến năm 2013 Trung tâm đã ký 07 hợp đồng với Sở LĐTB&XH tỉnh Quảng Ngãi mở 33 lớp đào tạo với 993 học viên dạy nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật cắt may, kỹ thuật xây dựng, hàn điện, may công nghiệp, nghiệp vụ du lịch, kỹ thuật xây dựng.

Trong qua trình đào tạo do gặp khó khăn trong việc tuyển sinh, dưới sự chỉ đạo của Đào Thị Thanh T, các bị cáo đã lập hồ sơ tuyển sinh đào tạo nghề 12 lớp học kỹ thuật xây dựng và may công nghiệp (gồm; AXD10A, AXD10B, MCN11A, MCN11B, MCN11C, MCN12A, MCN12B, MCN12B, MCN12D, MCN13A1, MCN13A2, MCN13A3) nhưng thực tế Trung tâm không tổ chức tuyển sinh, không khai giảng, không có học viên theo học, không thuê giáo viên về dạy học lý thuyết và thực hành, không tổ chức bế giảng lớp học nhưng lại lập chứng từ khống hoàn toàn với số tiền 660.408.000 đồng; Ngoài ra, Trung tâm còn mở 04 lớp kỹ thuật xây dựng (KTXD12A1, KTXD12A2, KTXD13A1, KTXD13A2) nâng không số học viên đi học cao hơn trên thực tế, tiền mua tài liệu, tuyển sinh, nguyên vật liệu và thuê phòng với số tiền là 79.904.000 đồng. Để hợp thức hóa các khoản chứng từ trên Đào Thị Thanh T đã chỉ đạo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M (là Kế toán của Trung tâm), Bùi Thị Ly N, Đào Trung T, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Văn K, Phạm Minh Thuận lập các chứng từ kế toán khống trùng khớp với dự toán được duyệt với tổng số tiền là 740.312.000 đồng. Sau khi Sở LĐTB&XH tỉnh Quảng Ngãi chuyển số tiền trên vào tài khoản của Trung tâm thì các bị cáo rút tiền về nhưng không nhập đầy đủ vào sổ quỹ tiền mặt của Trung tâm mà sử dụng, chi tiêu vào các hoạt động của Trung tâm như: Tiếp khách, chi thăm lãnh đạo Ban quản lý khu kinh tế Dung Quất, thăm lãnh đạo UBND tỉnh, tiếp tổng cục dạy nghề Bộ Lao động thương binh & Xã hội, chi lương cho nhân viên hợp đồng...

Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Gây thiệt hại từ ba trăm triệu đồng đến dưới một tỷ đồng hoặc gây hậu quả rất nghiêm trọng khác*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và không oan.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M thì thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hải H: Tại cấp sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị Hải H liên tục kêu oan, bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo không cố ý làm trái, không lập chứng từ khống, khi bị cáo kiểm tra hồ sơ để quyết toán thì bị cáo đã thấy đầy đủ chứng từ trong hồ sơ nên phê duyệt và quá trình mở lớp giảng dạy đào tạo nghề nông thôn bị cáo không đến lớp học, việc giảng dạy cũng được dạy ở nơi khác nên bị cáo không biết các hóa đơn mua hàng hóa ghi khống nội dung. Nên hành vi của bị cáo không phạm tội như Cáo trạng, Kết luận điều tra đã quy kết.

Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng do trước đây bị cáo nhận thức pháp luật không đầy đủ và bị cáo làm theo sự chỉ đạo của Đào Thị Thanh T - Giám đốc trung tâm nên bị cáo nghĩ mình không phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thấy được hành vi phạm tội của mình và khai nhận: bản thân bị cáo được Giám đốc Trung tâm giao phụ trách Phòng Tài chính - kế hoạch của Trung tâm, đến ngày 01/02/2012, bị cáo

giữ chức vụ Kế toán trưởng của Trung tâm. Thực hiện theo chỉ đạo của Đào Thị Thanh T - Giám đốc Trung tâm tại các cuộc họp Trung tâm và tại các cuộc họp của Phòng Tài chính - kế hoạch, Nguyễn Thị Hải H biết bà T chỉ đạo lập hồ sơ khống để quyết toán. Bản thân bị cáo thường xuyên tổ chức họp chỉ đạo công việc của phòng cũng như vấn đề lập khống, khai man, hợp thức hóa hồ sơ quyết toán 11 lớp học năm 2012 và 2013 gồm các lớp May công nghiệp, kỹ thuật xây dựng MCN12A, MCN12B, MCN12C, MCN12D, MCN13A1, MCN13A2, MCN13A3, KTXD12A1, KTXD12A2, KTXD13A1, KTXD13A2, đã trực tiếp ký xác nhận quyết toán 228 chứng từ quyết toán khống gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với số tiền 573.211.000 đồng. Ngoài ra sau khi được Sở LĐ-TB&XH chuyển tiền quyết toán nhiều lần Đào Thị Thanh T chỉ đạo Bùi Thị Ly N và Bùi Thị Như M rút giao số tiền về rồi giao cho Nguyễn Thị Hải H quản lý chi tiêu (trong đó Đào Thị Thanh T và Nguyễn Thị Hải H cùng nhau đi rút số tiền 95.000.000 vào ngày 12/12/2013). Khoản tiền này sau khi rút về bỏ ngoài sổ sách kế toán được bị cáo Đào Thị Thanh T và Nguyễn Thị Hải H chi tiêu tùy tiện, một số chi cho đào tạo nghề.

Bị cáo Nguyễn Thị Hải H với vai trò phụ trách phòng Tài chính - kế hoạch và là Kế toán trưởng nên nhận thức rõ việc lập khống chứng từ kế toán và việc để tiền ngoài sổ sách kế toán là sai quy định của Nhà nước nhưng vẫn cố ý thực hiện nên đã phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” và phải chịu trách nhiệm với số tiền 573.211.000 đồng do bị cáo ký quyết toán 228 chứng từ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hải H đã vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 14 Luật Kế toán năm 2003 “*Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán. Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật. Để ngoài sổ sách kế toán tài sản của đơn vị kế toán hoặc tài sản liên quan đến đơn vị kế toán*”; vi phạm quy định của pháp luật về chế độ kế toán thống kê theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Kế toán năm 2003; Điều 53, Điều 58 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo nộp lại số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra; bản thân bị cáo không có vụ lợi, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, cha bị cáo là ông Nguyễn Quang P là Cán bộ cách mạng “*tiền khởi nghĩa*”, mẹ bị cáo là bà Vũ Thị N tham gia Cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương; hoàn cảnh gia đình bị cáo hết sức khó khăn; đang nuôi con nhỏ, chồng không có việc làm ổn định; quá trình công tác bị cáo được Ủy ban nhân dân phường N tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn, phong trào thanh niên năm 2003. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới xuất hiện tại cấp phúc thẩm quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng cho bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Bùi Thị Như M: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; đã tự

nguyện nộp khắc phục số tiền là 6.419.367 đồng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng cho bị cáo.

[3.3] Xét hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M với vai trò là đồng phạm giúp sức trong vụ án nhưng có vai trò không đáng kể, khi lượng hình cho các bị cáo cần xem xét các bị cáo phạm tội lần đầu, chỉ là người làm công ăn lương, làm theo sự chỉ đạo của Đào Thị Thanh T, bản thân các bị cáo không trực lợi mà số tiền từ việc làm không chứng từ các bị cáo rút về để chi tiêu cho các hoạt động của Trung tâm; có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do các bị cáo gây ra. Trong tổng số tiền 740.312.000 đồng thiệt hại cho ngân sách nhà nước các bị cáo đã nộp lại số tiền 681.559.604 đồng (gồm 679.559.604 đồng nộp ở giai đoạn sơ thẩm và 2.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị Hải H Hà nộp khắc phục ở cấp phúc thẩm). Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hải H áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Như M giữ nguyên hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên xử nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải H 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hải H cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Như M 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2021).

Giao bị cáo Bùi Thị Như M cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Các bị cáo Nguyễn Thị Hải H, Bùi Thị Như M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) bị cáo Nguyễn Thị Hải H nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để đảm bảo thi hành án (Theo biên lai thu tiền số AA/2010/05212 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT 1 – Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường N, thành phố Q;
- UBND thị trấn C, huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Bé**